

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02-7-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lâm Thị Tám;

Bà Lý Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Khải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 395/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14/6/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1990 (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Ph, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Lâm Minh Th, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 14 tháng 12 năm 2020 và tại phiên hoà giải nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc T trình bày:

Bà và ông Lâm Minh Th cưới nhau năm 2016, đăng ký kết hôn ngày 10/3/2016, tại UBND xã T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm, sau đó thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến về vấn đề tiền bạc. Nay bà nhận thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông Th.

Về con chung: Bà và ông Th có 01 con chung là H, sinh ngày 11/8/2017, hiện nay đang sống chung với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được quyền nuôi con chung là H, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại các phiên hoà giải ông Lâm Minh Th trình bày:

Ông và bà Trần Thị Ngọc T cưới nhau năm 2016, đăng ký kết hôn ngày 10/3/2016, tại UBND xã Th. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, gần đây thì cũng thường phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau về vấn đề tiền bạc. Tại phiên hoà giải ngày 11/01/2021, ông không đồng ý ly hôn vì ông còn thương vợ.

Về con chung: Ông và bà T có 01 con chung là H, sinh ngày 11/8/2017, hiện nay đang sống chung với bà T. Khi ly hôn ông yêu cầu được quyền nuôi con chung H, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tại phiên hoà giải ngày 10/3/2021, ông Th trình bày trong thời gian chung sống ông có trả nợ ngân hàng giúp bà T số tiền 20.000.000 đồng và ông chuộc sổ bảo hiểm cho bà T số tiền 30.000.000 đồng do bà T vay tiền và cầm sổ bảo hiểm để chi sai cá nhân riêng. Nay ông yêu cầu bà T trả cho ông số tiền 50.000.000 đồng.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc T và bị đơn ông Lâm Minh Th đã được Toà án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng bà T và ông Th vắng mặt, bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Th vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc T và bị đơn ông Lâm Minh Th.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử bà Trần Thị Ngọc T được ly hôn với ông Lâm Minh Th.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cho bà Trần Thị Ngọc T được quyền trực tiếp nuôi con chung là H, sinh ngày 11/8/2017 cho đến khi con chung H đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị Ngọc T không yêu cầu ông Lâm Minh Th cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Nợ chung: Không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc T và bị đơn ông Lâm Minh Th đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng bà T và ông Th vắng mặt, bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Th vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc T và bị đơn ông Lâm Minh Th.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc T và ông Lâm Minh Th tự nguyện tổ chức cưới vào năm 2016, đăng ký kết hôn ngày 10/3/2016, tại UBND xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng nên quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Ngọc T và ông Lâm Minh Th là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét lý do yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Ngọc T, Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn thì bà T và ông Th chung sống hạnh phúc được 02 năm. Từ năm 2018 đến nay thì thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ông Th cũng thừa nhận vợ chồng có cãi nhau về vấn đề tiền bạc, ông cũng có đánh bà T. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà T và ông Th đã phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được, đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Ngọc T. Ông Th không đồng ý ly hôn vì ông cho rằng còn thương vợ nhưng tại các phiên hoà giải bà T không đồng ý đoàn tụ cùng ông Th, nên ý kiến của ông Th là không có cơ sở xem xét.

[3] Về con chung: Bà T và ông Th có 01 người con chung là H, sinh ngày 11/8/2017, hiện nay đang sống với bà T. Khi ly hôn bà T và ông Th đều yêu cầu được quyền nuôi con chung.

Xét thấy, hiện nay con chung là H, sinh ngày 11/8/2017 đang sống cùng với bà T, bà T cũng yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung đến khi cháu đủ 18 tuổi. Nhằm để ổn định cuộc sống hiện tại và không làm ảnh hưởng đến tâm lý của con

chung thì cần thiết giao con chung là H, sinh ngày 11/8/2017 cho bà T trực tiếp nuôi đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Ông Th được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị Ngọc T không yêu cầu ông Lâm Minh Th cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà Trần Thị Ngọc T và ông Lâm Minh Th không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Xét yêu cầu của ông Lâm Minh Th: Tại phiên hoà giải ông Lâm Minh Th yêu cầu bà T trả cho ông Th số tiền 50.000.000 đồng, do trong thời gian chung sống ông Th trả nợ ngân hàng giúp bà T số tiền 20.000.000 đồng và ông Th chuộc sổ bảo hiểm cho bà T số tiền 30.000.000 đồng do bà T vay tiền và cầm sổ bảo hiểm để chi sai cá nhân riêng. Xét thấy yêu cầu của ông Th là yêu cầu về phần nợ riêng của ông. Toà án đã thông báo cho ông Th làm đơn yêu cầu để Toà án ra thông báo nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu của ông Th nhưng ông Th không có đơn yêu cầu. Do đó đối với yêu cầu này của ông Th Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, tách thành vụ án khác khi ông Th có yêu cầu.

[8] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Trần Thị Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc T được ly hôn với ông Lâm Minh Th.

2. Về con chung: Giao cho bà Trần Thị Ngọc T được quyền trực tiếp nuôi con chung là H, sinh ngày 11/8/2017 cho đến khi con chung H đủ 18 tuổi. Ông Lâm Minh Th được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trần Thị Ngọc T không có yêu cầu ông Lâm Minh Th cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

5. Nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

6. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Ngọc T phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007462 ngày 21/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Bà Trần Thị Ngọc T đã nộp xong.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
- UBND xã nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mến